

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04- 4 -2023
V/v: *Ly hôn, nuôi con chung, chia
tài sản chung của vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đại
2. Ông Lương Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:
Ông Trương Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/02/2023 và Thông báo mở lại phiên toà số 02//2023/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kim TH Y, sinh năm 1987; Có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn V.T, sinh năm 1987; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Liên và bà Nguyễn Thị Quy; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Nguyễn Văn Long và bà Kim Th S.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Tân Minh, xã M.S, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ông Long uỷ quyền cho bà San tham gia tố tụng (bà San có mặt; ông Long vắng mặt.)

+ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Yên Bái – Phòng giao dịch huyện Yên Bình;

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo uỷ quyền của giám đốc phòng giao dịch là bà : Nguyễn Thị Quỳnh – chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, và tại phiên toà nguyên đơn chị Kim TH Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn V.T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M.S, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái vào ngày 16/5/2007. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống bình thường, trong cuộc sống có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày vì anh T hay ghen tuông vô cớ, hành hạ chị nhiều lần, anh chị tự hoà giải xong không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn V.T.

Về con chung: Giữa chị và anh Nguyễn V.T có 02 con chung là cháu Nguyễn V. T1, sinh ngày 28-8-2007 và cháu Nguyễn D.A, sinh 03/3/2012. Khi ly hôn Chị Y nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập của chị trung bình khoảng 15 triệu /1 tháng.

Về tài sản chung: Quá trình hôn nhân anh chị có những tài sản sau: Có 01 căn nhà cấp 4 mới xây năm 2022 trên diện tích của ông bà nội trị giá khoảng 500 triệu; 01 xe máy WAVE BKS: 21B1- 465.15; trị giá khoảng 10 triệu; 01 xe máy AIRBLADE BKS: 21B1- 868.52 ; trị giá khoảng 30 triệu; 01 xe ba gác trị giá 30 triệu; 01 đôi cây keo và bồ đề trị giá khoảng 20 triệu; 01 máy giặt trị giá 4 triệu; 01 tủ lạnh trị giá khoảng 3 triệu; 04 giường ngủ trị giá khoảng 2 triệu; 01 bộ bàn ghế trị giá khoảng 1 triệu; Tổng trị giá tài sản khoảng 600 triệu; Khi ly hôn Chị Y có nguyện vọng được quản lý sử dụng 01 xe máy AIRBLADE BKS: 21B1- 868.52 ; trị giá khoảng 30 triệu; còn lại các tài sản khác giao cho anh T quản lý sử dụng, anh T có trách nhiệm trả toàn bộ công nợ và thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị.

- *Về công nợ chung:* Quá trình hôn nhân anh chị có những khoản nợ sau: Nợ chị Kim Th S và anh Nguyễn Văn Long ở M.S số tiền 150 triệu đồng; Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình số tiền là 70 triệu đồng; Tổng số tiền nợ là 220 triệu; Khi ly hôn Chị Y nguyện vọng để anh T quản lý và sử dụng tài sản chung của vợ chồng và anh T có trách nhiệm trả toàn bộ công nợ.

Tại bản tự khai ngày 10/10/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn V.T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Kim TH Y trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M.S, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái vào ngày

16/5/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến 30/4/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, xích mích những chuyện vặt hàng ngày, vợ đi làm ăn thì thoảng mới về. Nay Chị Y có nguyện vọng ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn. Đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn V. T1, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn D.A, sinh ngày 03/3/2012. Nếu phải ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi cả 2 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hoặc ở với ai do các cháu quyết định. Hiện tại tôi làm nghề tự do tại phường, chạy xe 3 gác, thu nhập 7 đến 8 triệu đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: Anh chị có 01 căn nhà cấp 4 mới xây năm 2022 trên diện tích của ông bà nội cho nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá khoảng 300 triệu; 01 xe máy wave trị giá khoảng 10 triệu; 01 xe máy Ablade trị giá khoảng 30 triệu; 01 xe ba gác trị giá 30 triệu; 01 đôi cây keo và bò đẻ trị giá khoảng 20 triệu; 01 máy giặt trị giá 4 triệu; 01 tủ lạnh trị giá khoảng 3 triệu; 04 giường ngủ trị giá khoảng 2 triệu; 01 bộ bàn ghế trị giá khoảng 1 triệu; Tổng trị giá tài sản khoảng 400 triệu; Nếu ly hôn thì tôi nguyện vọng để lại tài sản cho con cái sử dụng, tôi không nhất trí chia và không được di chuyển.

- Về công nợ chung: Nợ chị Kim Th S và anh Nguyễn Văn Long ở M.S số tiền 150 triệu đồng; Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình số tiền là 70 triệu đồng; Tổng số tiền nợ là 220 triệu; Nếu phải ly hôn thì tôi đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật; cả hai vợ chồng đều phải có trách nhiệm trả nợ.

Về kết quả khảo sát, đo đạc, thẩm định và định giá lại tài sản thì anh đã xác định các loại tài sản chung như các phiên hoà giải nhưng không có ý kiến gì về kết quả định giá và không yêu cầu Toà án chia tài sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Kim Th S và anh Nguyễn Văn Long (anh Long uỷ quyền cho chị San tham gia tố tụng), chị San trình bày: Vào ngày 28/10/2021 chú dì Kim TH Y và Nguyễn V.T xây nhà ở thiếu tiền và có vay của vợ chồng tôi số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay thì hai bên không thoả thuận lãi xuất và có thoả thuận thời gian trả nợ là 2 năm kể từ ngày vay (tức ngày 28/10/2023). Và hai bên có xác lập giấy vay nợ tiền. Nay chú dì Yên – Toàn giải quyết ly hôn tại Toà án chúng tôi đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu chú dì Yên – Toàn phải trả cho vợ chồng tôi số tiền nợ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), chúng tôi không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Bình: Hộ gia đình ông Nguyễn V.T đã uỷ quyền cho bà Kim TH Y sinh năm 1987, CMND số 060797014, ngày cấp 14/08/2015, nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái đứng tên trên sổ vay vốn để vay

vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Bình theo giấy uỷ quyền ngày 10/06/2019.

- Ngày 19/06/2019 vay chương trình Hộ mới thoát nghèo với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn), số khế ước 6600000715517654.

- Ngày 19/01/2020 vay chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn), số khế ước 6600000716966152.

Tổng số tiền hộ gia đình còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Bình đến hết ngày 24/3/2023 là: 70.081.000 đồng.

Trong đó: - Nợ gốc là: 70.000.000 đồng

- Nợ lãi là: 81.000 đồng

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Bình đề nghị Toà án nhân dân huyện Yên Bình xem xét và giải quyết việc hộ gia đình ông Nguyễn V.T và bà Kim TH Y phải trả số nợ trên cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Bình.

+ Bà Nguyễn Thị Quy và ông Nguyễn Văn Liên trình bày: Năm 2009 anh Chị Y Toàn ra ở riêng, ông bà có cho mảnh đất dựng tạm ngôi nhà lên để ở, khi cho mảnh đất cũng chỉ nói mồm với các con chứ không viết giấy tờ, đến năm 2022 thì anh Chị Y Toàn xây nhà trên diện tích đất của vợ chồng tôi cho, đất của gia đình ông bà đã được cấp sổ đỏ đứng tên ông Nguyễn Văn Liên. Nay anh Chị Y, Toàn ly hôn thì vợ chồng bà có quan điểm là thu hồi lại đất không cho các con nữa. Và không cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Toà án. Bà đề nghị anh Chị Y Toàn trả lại đất cho vợ chồng bà.

Ngoài ra có diện tích đất vườn rừng khoảng 1 héc ta của ông bà, anh Chị Y Toàn đang trồng keo và bò đề trên đó, nếu anh Chị Y Toàn ly hôn thì đề nghị anh Chị Y Toàn khai thác hết cây và trả lại đất cho ông bà.

Theo đề nghị của chị Kim TH Y, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả như sau:

1. Nhà cấp IV, 1 tầng nằm trên diện tích đất của ông Nguyễn Văn Liên và bà Nguyễn Thị Quy có giá trị là: 425.150.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) ./.

2. Về cây trồng: Căn cứ số lượng cây keo, cây bò đề anh Chị Y Toàn đã trồng trên đất của bố mẹ chồng là ông Nguyễn Văn Liên và bà Nguyễn Thị Quy, tại thôn Tân Lập, xã Cẩm Ân gồm:

+ Cây Keo: Keo B: 650 cây x 30.000đ/cây = 19.500.000đ

+ Cây Bò Đề: Bò đề B: 180 cây x 20.000đ/cây = 3.600.000đ.

Tổng cộng: 23.100.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

3. 01 xe máy Wave BKS: 21B1- 465.15; màu xanh, đen, bạc, mua năm 2015, giá mua 21.000.000 đồng, thời gian sử dụng 07 năm (tỷ lệ còn lại là 30%), có giá trị là: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng)

4. 01 xe máy Airblade BKS: 21B1- 868.52 ; màu đen, đỏ; mua năm 2018, giá mua 49.000.000 đồng, thời gian sử dụng 04 năm (tỷ lệ còn lại là 60%), có giá trị là: 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng)

5. 01 xe ba gác, mua mới năm 2021, giá mua 58.000.000 đồng, thời gian sử dụng 02 năm (tỷ lệ còn lại là 80%), có giá trị là: 46.400.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)

6. 01 máy giặt, mua mới năm 2018, giá mua 5.700.000 đồng, thời gian sử dụng 04 năm (tỷ lệ còn lại là 20%), có giá trị là: 1.140.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)

7. 01 tủ lạnh, mua mới năm 2018, giá mua 7.700.000 đồng, thời gian sử dụng 04 năm (tỷ lệ còn lại là 20%), có giá trị là: 1.540.000 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

8. 04 giường ngủ (500.000 đồng/1cái); Trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)

9. 01 bộ bàn ghế, mua mới năm 2022, giá mua 12.000.000 đồng, thời gian sử dụng 01 năm (tỷ lệ còn lại là 87,5%), có giá trị là: 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng)

Tổng giá trị toàn bộ tài sản là: **545.530.000** đồng (*Năm trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.300.000 đồng và chi phí định giá tài sản với số tiền là 3.900.000 đồng. Nguyên đơn chị Kim TH Y đã nộp tạm ứng số tiền nêu trên.

Căn cứ Công văn số: 152/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 01-03-2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái thể hiện chưa tìm thấy hồ sơ lưu trữ đối với diện tích đất mà anh Chị Y – Toàn đã xây nhà trên đó, và cả diện tích đất anh chị đang trồng cây.

* Tại phiên tòa: Chị Y vẫn giữ nguyên ý kiến của mình;

Theo đơn nguyện vọng của hai cháu Nguyễn D.A và Nguyễn V. T1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa. Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Về nội dung vụ án : - Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83; khoản 2, 3 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Điều 463,

Điều 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ điều 147, khoản 3 Điều 157 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim TH Y và được ly hôn anh Nguyễn V.T

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn V. T1, sinh ngày 28/08/2007 cho chị Kim TH Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn D.A, sinh ngày 03/03/2012 cho anh Nguyễn V.T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, công nợ chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim TH Y. Chị Y được hưởng 01 nửa số tài sản chung trong tổng tài sản có trị giá là 545.530.000 đồng. Giao cho chị Kim TH Y 01 xe máy Ablade trị giá 29.400.000 đồng và quyền khai thác đồi cây keo, bờ đề trị giá 23.100.000 đồng; Giao cho anh Nguyễn V.T 01 ngôi nhà cấp IV, 1 tầng trị giá 425.150.000 đồng; 01 xe máy Wave trị giá 6.300.000 đồng; 01 xe ba gác trị giá 46.400.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 1.140.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 1.540.000 đồng; 04 giường ngủ trị giá 2.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế trị giá 10.500.000 đồng. Anh T có trách nhiệm trả tổng số tiền 220.227.000 đồng công nợ (trong đó trả cho chị Kim Th S và anh Nguyễn Văn Long số tiền 150.000.000 đồng và trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình số tiền 70.227.000 đồng); Trả cho chị Kim TH Y số tiền 110.151.500 đồng tiền chênh lệch chia tài sản.

- Về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản: Căn cứ điều 147, khoản 3 Điều 157 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

- Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật TTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn V.T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đoàn Kết, xã C.A, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Quy, ông Nguyễn Văn Liên và phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt những người trên là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim TH Y và anh Nguyễn V.T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M.S, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 16/5/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh

chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống bình thường được 1 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T ghen tuông vô cớ, anh chị tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nay mâu thuẫn giữa anh chị không thể khắc phục. Từ tháng 4 năm 2022 Đến nay anh chị sống chung nhà nhưng ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn V.T. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, Chị Y kiên quyết xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Y, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Y.

[3] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn V. T1, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn D.A, sinh ngày 03/3/2012. Khi ly hôn Chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của anh Nguyễn V.T: Nếu phải ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi cả 2 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của Chị Y và anh T Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Cả Chị Y và anh T đều có điều kiện nuôi con rất tốt. Để bảo đảm quyền lợi của các cháu xét cần giao cháu Nguyễn V. T1, sinh ngày 28/8/2007 cho chị Kim TH Y trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn D.A, sinh ngày 03/3/2012 cho anh Nguyễn V.T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án Chị Y, anh T đã thống nhất được có 9 loại tài sản chung, nhưng không thống nhất được về giá trị tài sản, do vậy Toà án tiến hành định giá tài sản như sau:

1. Nhà cấp IV, 1 tầng có giá trị là: 425.150.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) ./.

2. Về cây trồng: Căn cứ số lượng cây keo, cây bồ đề anh Chị Y Toàn đã trồng trên đất của bố mẹ chồng là ông Nguyễn Văn Liên và bà Nguyễn Thị Quy, tại thôn Tân Lập, xã Cẩm Ân gồm:

+ Cây Keo: Keo B: $650 \text{ cây} \times 30.000\text{đ}/\text{cây} = 19.500.000\text{đ}$

+ Cây Bồ Đề: Bồ đề B: $180 \text{ cây} \times 20.000\text{đ}/\text{cây} = 3.600.000\text{đ}$.

Tổng cộng: 23.100.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

3. 01 xe máy Wave BKS: 21B1- 465.15; màu xanh, đen, bạc, mua năm 2015, có giá trị là: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng)

4. 01 xe máy Airblade BKS: 21B1- 868.52 ; màu đen, đỏ; mua năm 2018, có giá trị là: 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng)

5. 01 xe ba gác, mua mới năm 2021, có giá trị là: 46.400.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)

6. 01 máy giặt, mua mới năm 2018, có giá trị là: 1.140.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)

7. 01 tủ lạnh, mua mới năm 2018, có giá trị là: 1.540.000 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

8. 04 giường ngủ (500.000 đồng/1cái); Trị giá 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)

9. 01 bộ bàn ghế, mua mới năm 2022, có giá trị là: 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng)

Tổng giá trị toàn bộ tài sản là: **545.530.000** đồng (*Năm trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Toàn bộ khối tài sản trên là tài sản chung vợ chồng do công sức vợ chồng tạo lập ra nên được chia đôi giá trị sử dụng cho mỗi bên, tuy nhiên thực tế thì nhà được xây trên đất của bố mẹ chồng; cây cũng được trồng trên đất của bố mẹ chồng là ông Liên, bà Quy. Chị Y cũng không yêu cầu chia tài sản là đất; chị có nguyện vọng chia giá trị tài sản trên đất và các tài sản chung khác của vợ chồng.

Xét thấy hiện nay anh T đang trực tiếp ở căn nhà cấp 4 mới xây của 2 vợ chồng, và quản lý một số tài sản chung của 2 vợ chồng, do vậy cần giao nhà, và một số tài sản khác của hai vợ chồng cho anh T quản lý, sử dụng là hợp lý, phù hợp với thực tế sử dụng, cụ thể chia theo hiện vật như sau:

Chị Kim TH Y được quản lý sử dụng:

1. 01 xe máy Airblade BKS: 21B1- 868.52 ; màu đen, đỏ; mua năm 2018, có giá trị là: 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. 01 đôi cây: Căn cứ số lượng cây keo, cây bồ đề anh Chị Y Toàn đã trồng trên đất của bố mẹ chồng là ông Nguyễn Văn Liên và bà Nguyễn Thị Quy, tại thôn Tân Lập, xã Cẩm Ân là : 23.100.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

3. 01 máy giặt, mua mới năm 2018, có giá trị là: 1.140.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)

4. 01 tủ lạnh, mua mới năm 2018, có giá trị là: 1.540.000 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

5. 02 giường ngủ (500.000 đồng/1cái); Trị giá 1.000.000đồng (Một triệu đồng)

6. 01 bộ bàn ghế, mua mới năm 2022, có giá trị là: 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản chị Kim TH Y được quản lý và sử dụng là : **66.680.000** đồng (*Sáu mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn V.T được quản lý sử dụng:

1. Nhà cấp IV, 1 tầng có giá trị là: 425.150.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) ./.

2. 01 xe máy Wave BKS: 21B1- 465.15; màu xanh, đen, bạc, mua năm 2015, có giá trị là: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng)

3. 01 xe ba gác, mua mới năm 2021, có giá trị là: 46.400.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)

4. 02 giường ngủ (500.000 đồng/1cái); Trị giá 1.000.000đồng (Một triệu đồng)

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn V.T được quản lý và sử dụng là : **478.850.000** đồng (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

[5] Về công nợ chung: Chị Y và anh T xác nhận có 02 khoản nợ chung là nợ chị Kim Th S và anh Nguyễn Văn Long ở thôn Tân Minh, xã M.S số tiền 150 triệu đồng; Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình số tiền là 70 triệu đồng; Tổng số tiền nợ là 220 triệu; Khi ly hôn Chị Y có nguyện vọng giao toàn bộ số nợ này cho anh T có trách nhiệm trả nợ vì anh T quản lý và sử dụng nhiều hơn số tài sản chung của vợ chồng. Anh T có nguyện vọng đồng ý trả nợ chung với Chị Y và muốn hai bên đều phải có trách nhiệm trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, anh T được sử dụng phần tài sản chung của vợ chồng có giá trị nhiều hơn Chị Y, do vậy việc giao Toàn bộ số công nợ **220.000.000** đồng cho anh T có trách nhiệm trả nợ là phù hợp, cần được chấp nhận.

[6] Về thanh toán chênh lệch tài sản:

Chị Kim TH Y được quản lý sử dụng tổng số tài sản có giá trị là: **66.680.000** đồng (*Sáu mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Anh T được quản lý sử dụng tổng số tài sản có giá trị là: **478.850.000** đồng (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Số tiền chênh lệch về tài sản là: 478.850.000 đồng – 66.680.000 đồng = **412.170.000** đồng.

Do anh T phải trả công nợ 220.000.000 đồng nên số tiền chênh lệch còn lại là: 412.170.000 đồng – 220.000.000 đồng = **192.170.000** đồng.

Anh T được hưởng phần tài sản có giá trị nhiều hơn nên anh T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị Kim TH Y là 192.170.000 đồng : 2 = **96.085.000 đồng**.

[7] Về án phí:

[7.1] Án phí ly hôn: Chị Kim TH Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7.2] Án phí chia tài sản chung: Chị Kim TH Y và anh Nguyễn V.T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản mỗi người được chia, cụ thể như sau:

+ Chị Kim TH Y phải chịu án phí giá trị phần tài sản được chia là: $66.680.000 \text{ đồng} + 96.085.000 \text{ đồng} = 162.765.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.138.250 \text{ đồng}$.

+ Anh Nguyễn V.T phải chịu án phí giá trị phần tài sản được chia là: $478.850.000 \text{ đồng} - 220.000.000 \text{ đồng} - 96.085.000 \text{ đồng} = 162.765.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.138.250 \text{ đồng}$.

[7.3] Về án phí chia nợ chung: Chị Kim TH Y và anh Nguyễn V.T mỗi người phải chịu án phí chia nợ chung có giá ngạch mỗi người là : $110.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.500.000 \text{ đồng}$.

[7.4] Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập được Toà án chấp nhận và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Kim Th S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập được Toà án chấp nhận và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7.5] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Căn cứ khoản 3 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Kim TH Y phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.400.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Kim TH Y và anh Nguyễn V.T mỗi người phải chịu 1.950.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản. Do Chị Y đã nộp tạm ứng tiền chi phí định giá tài sản nên anh T phải hoàn trả cho Chị Y số tiền này.

[8] Bà nguyên Thị Quy và ông Nguyễn Văn Liên có đề nghị chị Kim TH Y và anh Nguyễn V.T khi ly hôn thì trả lại diện tích đất mà ông bà đã cho anh chị xây nhà và trồng cây keo, bồ đề trên đó. Quá trình giải quyết vụ án ông Liên bà Quy không xuất trình được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có yêu cầu độc lập, Chị Y và anh T không đề nghị Toà án chia diện tích đất này nên Toà án không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên toà về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng là phù hợp, có căn cứ theo qui định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 2 và 3 Điều 59; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463; điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều

227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. của Luật Hôn nhân gia đình. Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim TH Y được ly hôn anh Nguyễn V.T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn V. T1, sinh ngày 28/8/2007 cho chị Kim TH Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn D.A, sinh ngày 03/3/2012 cho anh Nguyễn V.T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

3.1 Giao cho chị Kim TH Y quản lý, sử dụng:

3.1.1. 01 xe máy Airblade BKS: 21B1- 868.52 ; màu đen, đỏ; mua năm 2018, có giá trị là: 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

3.1.2. 01 đôi cây: Căn cứ số lượng cây keo, cây bồ đề anh Chị Y Toàn đã trồng trên đất của bố mẹ chồng là ông Nguyễn Văn Liên và bà Nguyễn Thị Quy, tại thôn Tân Lập, xã Cẩm Ân là : 23.100.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

3.1.3. 01 máy giặt, mua mới năm 2018, có giá trị là: 1.140.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)

3.1.4. 01 tủ lạnh, mua mới năm 2018, có giá trị là: 1.540.000 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

3.1.5. 02 giường ngủ (500.000 đồng/1cái); Trị giá 1.000.000đồng (Một triệu đồng)

3.1.6. 01 bộ bàn ghế, mua mới năm 2022, có giá trị là: 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản chị Kim TH Y được quản lý và sử dụng là : **66.680.000** đồng (*Sáu mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

3.2 Giao cho anh Nguyễn V.T được quản lý sử dụng:

3.2.1. Nhà cấp IV, 1 tầng có giá trị là: 425.150.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) ./.

3.2.2. 01 xe máy Wave BKS: 21B1- 465.15; màu xanh, đen, bạc, mua năm 2015, có giá trị là: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng)

3.2.3. 01 xe ba gác, mua mới năm 2021, có giá trị là: 46.400.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)

3.2.4. 02 giường ngủ (500.000 đồng/1cái); Trị giá 1.000.000đồng (Một triệu đồng)

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn V.T được quản lý và sử dụng là : **478.850.000 đồng** (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về công nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình và chị Kim Th S.

4.1 Anh Nguyễn V.T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng đến thời điểm thanh toán.

4.2 Anh Nguyễn V.T phải có trách nhiệm trả cho chị Kim Th S và anh Nguyễn Văn Long số tiền 150.000.000 đồng.

5. Về thanh toán chênh lệch tài sản:

Anh T được hưởng phần tài sản có giá trị nhiều hơn nên anh T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị Kim TH Y là **96.085.000** đồng. (*Chín mươi sáu triệu không trăm tám mươi năm nghìn đồng*)

6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ :Chị Kim TH Y phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.400.000 đồng. (Chị Y đã nộp đủ).

7. Chi phí Định giá tài sản: Chị Kim TH Y và anh Nguyễn V.T mỗi người phải chịu 1.950.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản. Do Chị Y đã nộp tạm ứng tiền chi phí định giá tài sản là 3.900.000 đồng nên anh T phải hoàn trả cho Chị Y số tiền 1.950.000 đồng (*Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

8. Đối với số tiền thanh toán chênh lệch về tài sản, số tiền trả nợ cho chị Kim Th S và anh Nguyễn Văn Long, số tiền chi phí định giá tài sản, số tiền trả nợ cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Về án phí:

8.1 Về án phí ly hôn:Chị Kim TH Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA /2021/0002878 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (xác nhận Chị Y đã nộp đủ).

8.2 Án phí chia tài sản chung:

Chị Kim TH Y phải chịu án phí chia tài sản chung là **8.138.250** đồng (*Tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 14.760.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002908 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình. Chị Kim TH Y còn được hoàn trả lại số tiền 6.621.750 đồng. (*sáu triệu sáu trăm hai mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Nhưng tuyên giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Anh Nguyễn V.T phải chịu án phí chia tài sản chung là **8.138.250** đồng. (*Tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*). Anh T chưa nộp.

[8.3] Về án phí chia nợ chung: Chị Kim TH Y và anh Nguyễn V.T mỗi người phải chịu án phí chia nợ chung mỗi người là : **5.500.000** đồng. (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Chị Y và anh T chưa nộp.

[8.4] Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Bình không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.756.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0002926 ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình.

[8.5] Chị Kim Th S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0002918 ngày 27/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình.

9. Về quyền kháng cáo: Chị Kim TH Y và anh Nguyễn V.T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKS ND huyện Yên Bình
- Chi cục THADS huyện Yên Bình.
- Các đương sự
- UBND xã Cẩm Ân

Đã ký

- Lưu hs, TA

Hoàng Kim Sơn